TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 330/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 22 - 3 - 2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2023, tại Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1723/2022/TLST - HN, ngày 18/11/2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Trung G

- *Bị đơn*: Bà Lại Thị Thu Đ

Cùng địa chỉ: Số B đường D, Phường N, quận G.

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ông Lê Trung G trình bày:

Ông và bà Đ tự nguyện tìm hiểu, sống chung năm 2009, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 08/5/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp. Sau khi kết hôn, ông bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn về tính cách, lối sống, điểm hoàn toàn trái ngược nhau, không có sự hoà hợp trong cuộc sống gia đình. Nhiều năm nay, cuộc sống chung rất nặng nề, hoàn toàn không mang lại bình yên cho mỗi người. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông nộp đơn ly hôn để mỗi người ổn định cuộc sống. Yêu cầu ly hôn cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Đ;

- Về con chung: Ông và bà Đ có 01 con chung tên Lê Đoan T, sinh ngày 24/3/2012. Ông yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Ông không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Bị đơn - Bà Lại Thị Thu Đ trình bày: Bà không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gìn gia đình để con cái có cha có mẹ. Ông bà bất hòa chủ yếu do ông G bảo thủ nên cuộc sống chung giữa ông bà đôi khi rất mệt mỏi. Trong cách giáo dục con, ông G không hỗ trợ mà xem như là việc hiển nhiên của bà và thường xuyên trách móc bà trong cách giáo dục con chung. Nhiều năm nay, tình trạng hôn nhân của ông bà không hạnh phúc. Tuy nhiên, với con chung, ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Vì vậy, con chung ở với ai thì đề nghị Tòa án hỏi ý kiến con. Nếu con ở với bà thì bà yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con 15.000.000 một tháng. Nếu ông G không đồng ý mức cấp dưỡng như trên, bà giao con cho ông G trực tiếp nuôi.

3. Tại bản tự khai ngày 02/3/2023, bé Lê Đoan T trình bày: Ba mẹ đều chăm sóc và yêu thương con nên ở với ai cũng được.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm

- Nguyên đơn - ông G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn - bà Đ trình bày: Bà xác định vợ chồng bất hòa từ năm 2012 cho đến nay, nguyên nhân do ông bà không tin tưởng nhau. Khi bất hòa, hai bên có lời nói làm tổn thương nhau. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn và đề nghị Hội đồng xét xử cho thời gian 03 năm để bà tự thay đổi mình theo hướng tích cực. Hết thời hạn 03 năm, tình trạng hôn nhân không thay đổi, bà đồng ý ly hôn. Về con chung, bà đồng ý giao ông G trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, theo ý kiến của ông G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của ông G phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông G.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ông G có đơn ly hôn với bà Đ. Bà Đ cư trú tại quận G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

- *Về người tham gia tố tụng:* Ông G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Yêu cầu của ông G phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Lê Trung G

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án và Tòa án thu thập được có cơ sở xác định:

Hôn nhân giữa ông G và bà Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Trích lục kết hôn số 113/TLKH-BS, ngày 20/9/2022 của Ủy ban nhân xã T, huyện C, tỉnh T nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông G vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Bà Đ thừa nhận từ năm 2012, ông bà có bất hòa về nhiều vấn đề trong gia đình và đến nay tình hình cũng không có gì thay đổi. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc... Tuy nhiên, giữa ông bà mâu thuẫn kéo dài nhiều năm. Đến nay, tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Rõ ràng, hôn nhân giữa ông bà không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông G yêu cầu được ly hôn là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G.

Về con chung: Ông G yêu cầu trực tiếp nuôi con. Bà Đ đồng ý giao con chung cho ông G trực tiếp nuôi. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con, ông G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông G và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án. Ông G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung G

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Ông Lê Trung G và bà Lại Thị Thu Đ.

1.2. Về con chung: Ông G và bà Đ có 01 con chung tên Lê Đoan T, sinh ngày 24/3/2012. Ông G trực tiếp nuôi con chung. Ông không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Ông G phải chịu. Cấn trừ vào số tiền ông G đã tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2022/0012100, ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Ông G đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hạnh